

# Vị Trí Của Đồng Nai - Cửu Long Trong Lục Địa Đông Nam Á

GS Nguyễn Thanh Liêm

Đồng Nai và Cửu Long là tên của hai hệ thống sông lớn ở Miền Nam nước Việt, hệ thống sông Đồng Nai và hệ thống sông Cửu Long. Khi nói vùng Đồng Nai Cửu Long chúng tôi muốn nói đến tất cả các tỉnh nằm trong vùng đất bao quanh hai hệ thống sông lớn này. Đó là các tỉnh Miền Đông và Miền Tây Nam phần, từ Bình Thuận vào đến Cà Mau. Dưới thời vua Gia Long và phần đầu của thời vua Minh Mạng, cả vùng này được gọi là Trấn Gia Định mà Tả Quân Lê Văn Duyệt là người hai lần được bổ nhiệm làm Tổng Trấn ở đây. Năm 1932 sau khi Lê Văn Duyệt mất, Gia Định Trấn mới bị bãi bỏ, Miền Nam được chia thành 6 tỉnh. Địa danh Nam Kỳ Lục Tỉnh có từ đó. Dưới thời Pháp thuộc, người Pháp gọi vùng này là Cochinchine hay Nam Kỳ. Đây là vùng thuộc địa của Pháp, và lục tỉnh được chia làm 21 tỉnh với những chữ đầu ghép lại làm thành bài thơ như sau:

GIA, CHÂU, HÀ, RẠCH, TRÀ (Gia Định, Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá, Trà Vinh)

SA, BẾN, LONG, TÂN, SÓC (Sa Đéc, Bến Tre, Long Xuyên, Tân An, Sóc Trăng)

THỦ, TÂY, BIÊN, MỸ, BÀ (Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Biên Hòa, Mỹ Tho, Bà Rịa)

CHỢ, VĨNH, GÒ, CÀN, BẠC, CẤP (Chợ Lớn, Vĩnh Long, Gò Công, Cần Thơ, Bạc Liêu, Cap Saint Jacques)

Thời Việt Nam Cộng Hòa, vùng này là Miền Nam Việt Nam và bao gồm các tỉnh Miền Đông (Tây Ninh, Bình Long, Phước Long, Bình Dương, Biên Hòa, Long Khánh, Bình Tuy, Phước Tuy, Gia Định), và các tỉnh Miền Tây Nam Phần (Châu Đốc, Kiên Phong, Kiên Tường, Hậu Nghĩa, Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long, Định Tường, Long An, Chương Thiện, Phong Dinh, Vĩnh Bình, Kiến Hòa, Gò Công, An Xuyên, Bạc Liêu, Ba Xuyên). Chính phủ hiện thời dùng chữ Nam Bộ thay vì Nam Phần và cũng phân biệt Miền Đông (hay vùng Đồng Nai với các tỉnh Sông Bé, Đồng Nai, Tây Ninh, Long An) và Miền Tây (hay đồng bằng sông Cửu Long với các tỉnh Đồng Tháp, Tiền Giang, Cửu Long, An Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Minh Hải). Trong sách này chúng tôi dùng chữ Miền Nam (Việt Nam) để chỉ vùng Đồng Nai Cửu Long.

Vùng Đồng Nai Cửu Long xưa kia, từ trước thiên niên kỷ Thứ Nhứt, thuộc về nước Phù Nam. Sang thiên niên kỷ Thứ Nhì thì vùng này thuộc Thủy Chân Lạp. Cả Phù Nam lẫn Thủy Chân Lạp đều ở trong tình trạng của những “mandalas” chớ chưa phải là những quốc gia có lãnh thổ hay cương vực rõ ràng, nhất định. Các nhà khảo cổ học không hay chưa tìm được những di chỉ nào cho thấy có sự hiện diện của con người sinh sống ở vùng này trong thời gian trước văn hóa Óc Eo. Con người thời hái lượm, săn bắn không sinh sống hoặc không có để lại dấu vết ở vùng này. Nhưng nếu nói chung cho cả vùng Hậu Giang thì theo Sơn Nam thổ dân thời tiền sử ở đây có lẽ thuộc giống Indonesien (có bộ sọ người tìm thấy ở Vĩnh Hưng, Bạc Liêu). Người Mon- Khmer tràn tới, xua các thổ dân này qua miền Trung hoặc ra Nam Dương vào khoảng đầu thiên niên kỷ thứ nhất. Con người sớm nhất mà ngày nay các nhà khảo cổ có được dấu vết là người Phù Nam và văn hóa Óc Eo của họ.

Những di chỉ khảo cổ tìm thấy ở Óc Eo do nhà khảo cổ Malleret của Pháp khai quật hồi thập niên 1940 cho thấy nơi đây xưa kia là một trung tâm, có thể là một đô thị vừa là một thương cảng quan trọng của vương quốc Phù Nam. Óc Eo hiện nay nằm trong tỉnh An Giang, ở chân núi Ba Thê, cách biển hơn 20 km. Địa bàn của vương quốc Phù Nam trải rộng cả vùng Đồng Nai Cửu Long qua tận Kampuchia trong khoảng thời gian từ thế kỷ I đến thế kỷ thứ VII của thiên niên kỷ thứ nhất. Dấu tích của vương quốc Phù Nam không phải chỉ có ở Óc Eo mà còn được tìm thấy ở nhiều nơi khác như Cạnh Đền (Kiên Giang), Gò Tháp (Đồng Tháp), Gò Năm Tước, v . . . đến Đồng Nai, vùng Đông Nam Phần theo các công cuộc khai quật gần đây. Theo Malleret thì Óc Eo là một đô thị rộng lớn, một thương cảng phồn vinh, một trung tâm kinh tế sống động với mối giao thương Âu-Á khá rộng rãi. Óc Eo cũng là một đô thị tiêu biểu cho nền văn minh của một quốc gia cổ hình thành sớm nhất ở Đông Nam Á.

Nhưng người Phù Nam là ai? Tên Phù Nam ở đâu mà có? Chữ Phù Nam là chữ người ta tìm thấy trong thư tịch Trung Hoa. Tân Đường Thư ghi là Trúc Chiên Đản (vua Phù Nam) xưng vua, sai sứ sang cống voi đã thuần dưỡng. Sách cũng ghi là họ (Phù Nam) có 5,000 voi chiến. Lương Thư cũng có nói đến Phù Nam nhưng không sách nào nói rõ hơn về người Phù Nam là người gì? George Coedès, trong quyển “The Indianized States of Southeast Asia” thì chữ Phù Nam là chữ của người Trung Hoa phiên âm từ tiếng b’iu-nâm, tức là tiếng Khmer cổ có nghĩa là “vua ở trên núi” (Khmer cổ là bnam, Khmer mới là phnom). Cũng theo Coedès thì người Phù Nam có thể từ miền Đông Nam Ấn Độ, hoặc từ bán đảo Mã Lai hay từ các đảo trong châu đại dương. Trong quyển “The Making of South East Asia”, Coedès có nói đến truyền thuyết Kaundinya (như một tù trưởng) từ miền Nam Ấn Độ đến kết duyên cùng hoàng hậu Liễu Diệp ở vùng hạ lưu sông Mêkông, lập nên nước Phù Nam. Kinh đô ở vùng Ba Nam, thuộc tỉnh Preyvang ngày nay, cách biển 500 dặm.

Nhưng tại sao Phù Nam suy tàn và mất dấu vết từ thế kỷ thứ VII? thì cho đến bây giờ không có tài liệu nào cho biết về việc này ngoài những giả thuyết cho rằng là do một đại thiên tai nào như hồng thủy, sóng thần, bệnh dịch đã tiêu diệt giống người này. Nhưng trên bình diện trải rộng như các di chỉ khảo cổ cho thấy thì không thể có thiên tai nào có khả năng tiêu hủy cả vương quốc Phù Nam được. Có giả thuyết cho là người Java đã tiêu diệt người Phù Nam, nhưng không có dấu hiệu gì đáng tin cậy về sự việc này.

Đến cuối thế kỷ XIII, khoảng 1296 – 1297, sứ thần Trung Hoa là Châu Đạt Quan đã đến vùng này nhưng lúc bấy giờ thì vùng này đã thuộc về Chân Lạp chớ không còn là Phù Nam nữa. Trên đường đi Chân Lạp, Châu Đạt Quan có ghi nhận quang cảnh hoang vu vùng đồng bằng sông Cửu Long như sau :

“... hầu hết các vùng đều là bụi rậm của khu rừng thấp, những cửa rộng của con sông lớn chạy dài hàng trăm lý, bóng mát um tùm của những gốc cổ thụ và cây mây dài tạo thành nhiều chỗ trú xum xê. Tiếng chim hót và thú vật kêu vang dội khắp nơi. Vào nửa đường trong cửa sông, người ta mới thấy lần đầu cánh đồng ruộng bỏ hoang, không có một gốc cây nào. Xa hơn tầm mắt chỉ toàn là cỏ kê đầy dẫy. Hàng trăm hàng ngàn trâu rừng tụ họp từng bầy trong vùng này. Tiếp đó, nhiều con đường giốc đầy tre chạy dài hàng trăm lý.” (Châu Đạt Quan, Chân Lạp Phong Thổ Ký, Lê Hương. Sài Gòn: Kỷ Nguyên Mới, 1973, tr. 80).

Thành ra trong thời gian từ thế kỷ VII cho đến thế kỷ XIII, nghĩa là sau khi Phù Nam tan rã cho đến lúc Chân Lạp phồn thịnh lên, người ta không tìm được những dấu vết gì có thể cho biết là dân tộc nào ngự trị ở vùng này và dân tộc đó đã phát triển bành trướng hay suy tàn như thế nào? Theo Charles Higham trong quyển “The Archaeology of Mainland Southeast Asia” (Cambridge University Press, 1989), tựa trên những công trình khai quật từ trước đến thập niên 1980 thì từ khoảng 10,000 năm trước Chúa Giáng Sinh cho đến cuối thế kỷ XVI, cả vùng Đông Nam Á (lục địa) đã trải qua nhiều thời kỳ lịch sử với những hình trạng xã hội khác nhau: thời săn bắn hái lượm từ 10,000 BC đến 5,000 BC; thời định cư ven biển từ 5,000 BC đến 1,500 BC. . . . thời kỳ thành hình các mandalas ở Đông Nam Á từ 500 BC đến thế kỷ III; và thời kỳ phát triển và chuyển biến của những mandalas từ thế kỷ III đến thế kỷ XVI. Văn hóa Óc Eo và Angkor chỉ mới xuất hiện vào thời kỳ cuối trong những thời kỳ ghi trên. Đây là thời kỳ tương ứng với sự phát triển của các quốc gia cổ với chế độ xã hội gọi là “mandala” (một loại chế độ vừa tôn giáo vừa phong kiến ở Đông Nam Á). Trước khi có những mandalas thì xã hội Đông Nam Á còn ở tình trạng bộ lạc với các tù trưởng (chiefdoms). Phù Nam, Chân Lạp, Lâm Ấp là ba trong 5 hay 6 mandalas của vùng Đông Nam Á. Mỗi mandala bao gồm một khu vực địa lý dưới sự thống trị, và làm chủ của một vị vương vừa như nhà vua vừa là người được tôn sùng như một lãnh tụ về tôn giáo. Nhưng mandala không có biên giới nhất định; ranh giới của nó rất co giãn, nó thay đổi luôn (fluid) tùy theo sức ảnh hưởng của nhà vua chủ nhân. Mandala chưa phải là một quốc gia, một nước có chủ quyền, có quy luật truyền ngôi, có biên giới rõ rệt. Vương quốc Phù Nam chỉ là một mandala và mandala này đã bị tan biến trong mandala Chân Lạp, cũng như mandala Lâm Ấp sau này bị tan biến trong quốc gia Việt Nam vậy.

Một giả thuyết gần đây lại cho rằng vùng này xưa kia là vùng đất của người Việt cổ. Giả thuyết này tựa trên một số các địa danh mà người Thái (Xiêm) và người Miên (Khmer) đã đặt ra cho những địa điểm đó. Thí dụ núi Phù Dung có thể là do chữ Phù hay Phnom và Youn, có nghĩa là Núi của người Việt. Ngay danh từ Hà Tiên, theo thuyết này, cũng có thể là do chữ Tà Ten mà ra, Tà có nghĩa là núi và Ten là tên con sông, theo tiếng Miên. Thuyết này bác bỏ truyền thuyết cho rằng nơi đây xưa kia có tiên hiện xuống, đi lại trên sông nên gọi là Hà Tiên (tiên hiện ra trên sông). Người chủ trương thuyết này là ông Trương Minh Đạt. Trong quyển “Nhận Thức Mới

về Đất Hà Tiên”, ông Đạt viết:” . . . có thể nói được thời xa xưa, vùng đất Hà Tiên chính thống là vùng đất Phù Dung (Phù Youn) của người Lạc Việt. Trong quá trình chung sống hội nhập, những người Việt đầu tiên đã trở thành dân cư của Phù Nam, rồi họ tiếp nhận đợt sóng Khmer và Java sau đó . . . Vào các thế kỷ XVII, XVIII, người Việt Nam đã hoàn thành tốt vai trò thống nhất lãnh thổ xưa của tổ tiên. Cuộc thống nhất diễn ra nhanh, chỉ do người Việt đã có mặt rải rác khắp nơi trên lãnh thổ phía Nam này.” (tr. 28-29). Đây cũng chỉ là một giả thuyết còn chờ đợi nhiều chứng liệu lịch sử nữa để có thể chứng giải được.

Giả thuyết khác nữa là giả thuyết của Hà Văn Thủy sau đây, tựa trên những khám phá của nhà địa chất học H. Fontaine của Pháp. Từ cuối Đại Trung Xinh (Pleistocene) đến đầu Đại Tân Xinh (Holocene), đại khái từ khoảng 100,000 đến 11,000 năm trước, nước biển hạ thấp từ 100 đến 120 m, biển Đông khô cạn, chỉ còn là một vũng nhỏ, tạo điều kiện cho động vật từ Châu Á tràn sang Châu Đại Dương, khiến cho hệ động vật gần nhau giữa hai châu. Từ 10,000 năm trước công nguyên trở lại đây có nhiều lần (4 lần) biển tiến (dâng cao) và lùi (xuống thấp), đặc biệt là trong hai lần tiến và lùi của biển lần thứ 3 và lần thứ 4 có mật thiết liên hệ tới sự thành hình và tan biến của vương quốc Phù Nam. Trong lần nước biển lên cao lần thứ ba (200 năm BC đến 50 AD), nước biển ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đã ngăn chặn bước tiến của các giống dân sống ở vùng Đồng Nai qua định cư ở vùng này. Rồi khi nước lùi từ năm 50 đến thế kỷ thứ V, thì người Mã Lai-Đa Đảo (MalayoPolynésien) từ các đảo ngoài biển vào đây định cư làm thành vương quốc Phù Nam với nền văn minh Óc Eo tiêu biểu của họ. Tiếp theo đó trong lần dâng cao thứ IV kéo dài 800 năm từ năm 350 đến 1,150, với điểm cao nhất vào khoảng năm 650, nước biển đã làm ngập cả đồng bằng sông Cửu Long khiến không còn ai có thể sống được trong vùng. Vương quốc Phù Nam tan rã, một phần của người Phù Nam lên miền núi cao sinh sống, và phần khác trở về các đảo trong Châu Đại Dương. Từ thế kỷ XII nước biển xuống thấp trở lại, ở mức bình thường như ngày nay. Cũng từ đó nước Chân Lạp thành hình chiếm cả vùng đất Phù Nam trước kia. Và ta có hình ảnh của vùng Đồng Bằng sông Cửu Long do Châu Đạt Quan ghi lại hồi thế kỷ XIII như đã thấy trên.

Qua các giả thuyết cũng như các công trình khai quật nói trên ta có thể tạm kết luận là vùng Đồng Nai Cửu Long vào các thế kỷ đầu của thiên niên kỷ thứ nhất thuộc vương quốc Phù Nam, và từ thế kỷ XIII cho đến thế kỷ XVII thuộc Thủy Chân Lạp và từ thế kỷ XVIII trở đi thuộc Việt Nam.

“Đông Nam Á” (Southeast Asia) ngày nay là vùng địa lý bao gồm các nước: Miến Điện (Myanmar), Thái Lan, Mã Lai, Miên (Cambodia), Lào, Việt Nam, Nam Dương, Phi Luật Tân, Singapore, Brunei, và Đông Timor. Trong 12 quốc gia vừa kể có một quốc gia rất quan trọng nhưng có diện tích rất nhỏ, không hơn một thành phố lớn, đó là Singapore, một quốc gia khác rất ít được biết đến, nằm trong Nam Dương quần đảo, với dân số không hơn nửa triệu đó là Brunei Darussalam, và một quốc gia khác nữa cũng nằm trong Nam Dương Quần Đảo vừa mới được thành lập năm 1999 sau một cuộc trưng cầu dân ý là East Timor (Đông Timor) với dân số chưa tới một triệu (khoảng 800 ngàn dân). Người ta thường phân biệt hai khu vực khác biệt của cả vùng Đông Nam Á: khu vực lục địa (đất liền), và khu vực quần đảo hay đại dương. Phần lục địa bao gồm các nước Miến Điện, Thái Lan, một phần của Mã Lai, Singapore, Miên, Lào và Việt Nam. Vùng đại dương bao gồm Nam Dương, Phi Luật Tân, một phần khác của Mã Lai, East Timor và Brunei. Hai khu vực này, trên 10 ngàn năm trước khi còn thời băng giá, lúc nước biển còn thấp, đều cùng nằm trên một dãy đất liền với nhau cho nên các loại cây cỏ, muông thú đều giống nhau. Hết thời băng giá, nước biển dâng lên cao dần, tách rời vùng quần đảo ra khỏi vùng đất liền làm thành hai khu vực khác nhau như ngày nay.

Về phương diện địa lý và văn hóa, Đông Nam Á trên đất liền hay Đông Nam Á Lục Địa, nằm giữa hai nước lớn, và giữa hai nền văn hóa xuất phát từ hai nước đó là Trung Hoa và Ấn Độ. Đây là hai cái nôi văn hóa lớn của Á Châu và khu vực Đông Nam Á Lục Địa nằm giữa hai cái nôi văn hóa lớn đó. Địa danh đúng của khu vực này là Indo-China (Ấn-Trung) hay Indochinese Peninsula (Bán Đảo Ấn Trung), nghĩa là vùng bán đảo nằm giữa Ấn Độ và Trung Hoa. Nhưng vì người Pháp đã dùng chữ Indochina (mà người Việt thường dịch là Đông Dương) thu hẹp để chỉ ba nước Việt, Miên, Lào, dưới sự đô hộ của họ thành ra các nhà văn hóa học đã không dùng lại địa danh này cho cả vùng mà phải dùng chữ Đông Nam Á để tránh lầm lẫn. Thời xưa người ta còn gọi vùng này là “Golden Peninsula” (Bán Đảo Hoàng Kim) và bao gồm các nước Miến Điện, Thái Lan, Lào, Cambodia, và Việt Nam, không có Mã Lai trong đó, vì Mã Lai được xem là thuộc về khu vực quần đảo. Các nước nằm trong khu vực Bán Đảo Hoàng Kim hay Bán Đảo Ấn Trung này đều ít nhiều chịu ảnh hưởng của một

trong hai nền văn hóa lớn ở đây là Ấn Độ và Trung Hoa. Theo nhiều nhà văn hóa học Tây phương thì các nước Miến Điện, Thái Lan, Lào và Cambodia nhận ảnh hưởng Ấn Độ trong khi Việt Nam nhận ảnh hưởng Trung Hoa nhiều hơn. Các nước chịu ảnh hưởng Ấn Độ thường được gọi là “Indianized States”(các nước Ấn Hóa).

Một câu hỏi quan trọng đặt ra ở đây là trước khi chịu ảnh hưởng của Ấn Độ và Trung Hoa thì văn hoá thật sự của vùng Đông Nam Á này có hay không? Nếu có thì nền văn hoá đó như thế nào? Có chăng một nền văn hoá Đông Nam Á tiền văn hoá Ấn Trung? Một số khoa học gia gần đây có khuynh hướng cho rằng dân Đông Nam Á từ thời tiền sử đã có văn hoá riêng của họ, và nền văn hoá đó từ thuở xa xưa đã khá tiến bộ, đã có ảnh hưởng đến văn hoá Hán tộc (Trung Quốc), trước khi Trung Quốc có ảnh hưởng ngược lại.

Ấn Trung (Indochina) theo đúng nghĩa Bán Đảo Ấn Trung (Indochinese Peninsula) là điểm gặp gỡ của nhiều giống dân khác nhau, va chạm nhau, pha trộn nhau, và từ xa xưa là nơi hai nền văn hóa chính của Á Châu đụng đầu nhau. Ở khu vực Ấn Trung hai nền văn hóa này biến đổi ít nhiều khi chúng tiếp xúc với xã hội bản địa. Văn hóa kết quả của những biến đổi đó sau này lại được biến cải thêm do những ảnh hưởng ngoại lai như Phật giáo từ Tích Lan, và văn minh Âu châu. [“. . . Indochina, in the sense of the Indochinese Peninsula. . . is a crossroads where the most diverse racial groups came into contact with each other and mixed with each other, and where since ancient times the two main civilizations of Asia have confronted each other. In Indochina these civilizations were transformed, in varying degrees, through contact with the indigenous societies, and the civilizations resulting from this contact reacted upon each other and were subsequently enriched or changed by later influence from abroad, such as Buddhism from Ceylon, and European civilization.”, Georges Coedès, The Making of South East Asia.]

Bán Đảo Ấn Trung hay Lục Địa Đông Nam Á là vùng đất phức tạp, có nhiều quốc gia khác biệt về địa hình, đất đai, dân tộc và văn hóa. Tuy nhiên dưới bề ngoài nhiều khác biệt đó, khi ngược dòng lịch sử người ta có thể tìm thấy ở bề sâu có sự tương cận giữa các quốc gia này về địa lý và văn hóa. Hầu hết các nước này (Miến Điện, Thái Lan, Miên, Lào, Việt Nam) đều nằm trong vùng nhiệt đới, chịu ảnh hưởng nặng nề của Châu Á gió mùa. Phần đông dân chúng ở các nước này đều sống về nghề nông và chia thành hai nhóm, nhóm trồng lúa nước ở những ruộng thấp (thảo điền), và nhóm dân tộc thiểu số làm ruộng rẫy trên vùng đất cao (sơn điền). Về tín ngưỡng phần đông dân chúng ở vùng đất thấp theo Phật giáo. Đời sống của con người ở đây tùy thuộc rất nhiều ở mùa mưa lũ và những sông rạch chằng chịt. Những con sông lớn như sông Irrawady và Salween ở Miến Điện, sông Chao Phraya ở Thái Lan, sông Hồng ở Bắc Việt, và sông Mekong ở đất Lào, Miên và Việt Nam, cùng với bao nhiêu kinh rạch khác là những hệ thống giao thông vô cùng tiện lợi, lại là hệ thống cung cấp nước đầy đủ cho các cánh đồng ruộng cũng như vườn tược quanh năm, và hơn nữa còn là nguồn cung cấp tôm cá thật phong phú cho đời sống con người. Có thể nói sông nước là mạch sống của người dân Bán Đảo Ấn Trung ở vùng đất thấp. Đi đâu người ta cũng gặp được những ruộng lúa xanh tươi, những khu vườn cây trái đủ loại của vùng nhiệt đới, những bữa ăn có cơm làm món chánh với đồ ăn nhiều gia vị.

Bán Đảo Ấn Trung là vùng gặp gỡ qua lại của những đường giao thương quốc tế ngay từ đầu thiên niên kỷ thứ nhất, giữa Ấn Độ và Trung Hoa, và sau này trong các thế kỷ gần đây giữa nhiều nước Âu Tây, và Á Châu. Các tôn giáo lớn trên thế giới đều có dấu ấn ở trong vùng: Phật giáo Tiểu Thừa ảnh hưởng xuống phía Nam qua các nước Ấn hóa. Phật giáo Đại Thừa ảnh hưởng ở phía Bắc đến Việt Nam, pha trộn với Lão giáo và Khổng giáo. (Hồi giáo chỉ có mặt nhiều ở bán đảo Mã Lai). Thiên Chúa giáo có mặt sau này ở nhiều nước (nhưng là tôn giáo số một của Phi Luật Tân). Bên cạnh các tôn giáo lớn, tín ngưỡng bình dân và sự thờ cúng ông bà vẫn được nhiều người theo đuổi. Người Đông Nam Á có cách xưng hô đặc biệt gắn liền với địa vị của mỗi cá nhân trong gia đình hay ngoài xã hội, chớ không dùng những đại danh từ tổng quát như người Âu Tây. Địa vị của người phụ nữ ở đây cũng có phần quan trọng không kém đàn ông. Họ có nhiều tự do, có quyền sở hữu, có thể tham gia trong các ngành hoạt động và có thể làm vua (ở thời xưa). Bà con hai bên nội ngoại được xem như nhau, không có sự khinh trọng giữa bên ngoại và bên nội.

Vị trí đặc biệt của cả vùng Đông Nam Á cũng như một số sản phẩm hiếm có của nó và nhất là tình trạng chậm tiến của các nước trong vùng hồi thế kỷ XVIII – XIX so với các nước Tây phương, đã làm cho vùng này trở thành miếng mồi ngon cho các nước tư bản tiến bộ trên thế giới. Công cuộc đánh chiếm và đô hộ cả vùng, ngoại

trừ Thái Lan, của các nước tiền tiến Tây phương như, Anh, Pháp, Y Pha Nho, Hà Lan, Mỹ khởi sự từ thế kỷ XVI kéo dài đến hết đại chiến Thế Giới Thứ Hai, để lại nhiều vết tích và ảnh hưởng văn hóa ở đây. Phi Luật Tân, Nam Dương và bán đảo Mã Lai đã bị Y Pha Nho (rồi Mỹ), Hà Lan, và Anh xâm chiếm từ thế kỷ XVIII. Riêng các nước trong Bán Đảo Ấn Trung thì Anh và Pháp tấn công, đô hộ từ giữa thế kỷ XIX. Phần lớn những đường ranh giới phân chia các nước trong Bán Đảo Ấn Trung là những đường ranh giới do các nước đô hộ ấn định mới đây sau khi họ đặt xong nền đô hộ của họ. Việc ấn định ranh giới này chỉ tựa trên quyền lợi và tình trạng hiện hữu của chính quyền đô hộ hồi lúc đó chứ không tựa trên những yếu tố lịch sử, hay địa lý gì cả của các nước liên hệ. Thật sự thì trước đó đường ranh giới giữa các nước trong vùng rất mơ hồ, co giãn, không có một ấn định rõ ràng nào. [Phần lớn các nước trong vùng còn ở trong tình trạng những “mandala” hơn là những quốc gia thật sự. Quốc gia chỉ thành hình khi có cương vực rõ ràng, có nền hành chánh cai trị có qui củ. Còn “mandala” chưa có cương vực, chưa có một lãnh thổ có ranh giới rõ ràng. Nó là một nhóm dân ở trên một vùng nào đó dưới sự lãnh đạo của một người đứng đầu, một lãnh chúa, với một số lãnh tụ phụ thuộc vào người lãnh chúa đó. Người lãnh chúa cũng là một lãnh tụ về tôn giáo. Lãnh thổ của mandala rất co giãn, mơ hồ, và thường thay đổi tùy ở mức độ ảnh hưởng của người lãnh chúa.]

Sự đô hộ của Tây phương là yếu tố khá quan trọng góp phần vào việc chia cách các quốc gia Đông Nam Á bởi ảnh hưởng khác nhau của các nước đô hộ. Miền Điện và Mã Lai chịu ảnh hưởng văn minh Anh trong khi Việt Miên Lào học hỏi văn minh Pháp, Phi Luật Tân bị ảnh hưởng Y Pha Nho và Mỹ trong khi Nam Dương phần nhiều chịu ảnh hưởng Hà Lan. Trước khi có ảnh hưởng Tây phương ở vùng này chỉ có ảnh hưởng Ấn Độ trên các nước Ấn hóa và ảnh hưởng Trung Hoa trên phần đất Việt Nam. Riêng trường hợp Việt Nam thì đặc biệt hơn cả. Các nhà văn hóa nhân loại học nhận thấy dân tộc Việt, trên đà phát triển văn hóa, đã đi theo một con đường khác hẳn con đường mà các nước khác ở Lục Địa Đông Nam Á đã đi. Trong khi các nước khác theo văn minh Ấn Độ (Indianized States) thì Việt Nam lại theo truyền thống văn hóa Trung Hoa (Sinicized State). Nhưng, tuy là (từ xưa) Việt Nam thuộc hệ thống văn hóa Á Đông (East Asia) hơn là hệ thống văn hóa Đông Nam Á (Southeast Asia), người Việt Nam đã thích nghi vào môi trường Đông Nam Á (từ thế kỷ XVII) – không phải chỉ thích nghi vào môi trường tự nhiên vùng nhiệt đới và ảnh hưởng gió mùa mà còn thích nghi vào cả môi trường xã hội nữa. Trái qua bao nhiêu thế kỷ người Việt Nam đã có nhiều liên hệ với các sắc tộc thiểu số miền núi ở Đông Nam Á, với dân tộc Chăm, và dân Khmer, và nhiều dân tộc Thái. Chính sự thích nghi của cái văn hóa chịu ảnh hưởng truyền thống Trung Hoa vào môi trường văn hóa Đông Nam Á làm cho văn hóa Việt Nam có màu sắc đặc thù của nó. [“The course of cultural development followed by the Vietnamese has been markedly different from that of their neighbors in mainland Southeast Asia. Whereas the other civilizations of Southeast Asia drew their inspiration from India, the Vietnamese have drawn theirs from the great tradition of China. Yet, while belonging culturally to the East Asian rather than the Southeast Asian world, the Vietnamese have adapted themselves to a Southeast Asian environment – not only the natural one with its tropical and monsoonal features, but also a social one. Over the centuries, the Vietnamese have had intensive relations with Southeast Asian hill peoples, with the Chams and the Khmer, and with various Tai peoples. It is the adaptation of a Chinese-derived cultural tradition to a Southeast Asian environment that has given the Vietnamese tradition its distinctive cast.” Charles F. Keyes, *The Golden Peninsula, Culture and Adaptation in Mainland Southeast Asia*.]

Càng đến gần thế kỷ XX và càng đi xa về phía Nam người ta càng thấy văn hóa Việt Nam xa dần truyền thống văn hóa Việt-Trung để đến gần văn hóa Lục Địa Đông Nam Á, bởi vị trí đặc biệt về địa lý, lịch sử và xã hội của nó. Vị trí địa lý cho thấy Việt Nam một mặt thuộc về khu vực Á Đông (bao gồm các nước Trung Hoa, Triều Tiên, Nhật Bản) và mặt khác thuộc khu vực Nam Á (gồm các quần đảo Nam Dương, Phi Luật Tân, bán đảo Mã Lai, Thái Lan, Miền điện, Ấn Độ, Tích Lan, v v . . ). Về phương diện lịch sử Việt Nam có thể chia thành hai khu vực khác nhau. Một khu vực cũ đã có từ mấy ngàn năm trước, và một khu vực mới chỉ mới thành hình từ thế kỷ XVII trở đi. Tên dành cho hai khu vực này là Đàng Ngoài (hay phía Bắc của sông Gianh) và Đàng Trong (hay phía Nam của sông Gianh) kể từ lúc có sự tách rời và trở thành độc lập của Chúa Nguyễn ở Phương Nam ra khỏi sự chuyên quyền của Chúa Trịnh ở Phương Bắc. Về phương diện văn hóa người ta cũng có thể thấy sự khác biệt giữa văn hóa Việt cổ truyền ở Miền Bắc với văn hóa mới ở Miền Nam. Sự khác biệt về văn hóa giữa Phương Bắc (Đàng Ngoài) và Phương Nam (Đàng Trong) cho thấy có sự biến đổi trong văn hóa Việt Nam từ Thăng Long hay Hà Nội vào Sài Gòn. Làng xã không ranh giới của Miền Nam gần với xã thôn của các quốc gia

trong Bán Đảo Ấn Trung hơn làng xã ở Bắc Việt. Tôn giáo, tín ngưỡng ở Miền Nam thu nhận nhiều yếu tố mới của tôn giáo tín ngưỡng của các xứ Ấn Hóa (Chàm, Miên, Thái Lan) khác hơn tôn giáo tín ngưỡng chịu nhiều ảnh hưởng Trung Hoa của Miền Bắc. Đời sống kinh tế, xã hội của người Việt ở vùng Đồng Nai Cửu Long mang tính cách Đông Nam Á nhiều hơn đời sống kinh tế xã hội của người dân Bắc Việt. Môi trường sinh sống mới và sự tiếp xúc với những nền văn hóa khác là những điều kiện cần yếu đưa đến những biến đổi đó. Trước hết là môi trường thiên nhiên vật lý: đất đai, khí hậu, ruộng nương, vườn tược ở đây cùng một loại với đất đai, khí hậu, ruộng nương vườn tược ở Kampuchia, Thái Lan, Mã Lai, thành ra các loại cây trái giống nhau, kỹ thuật làm ruộng, làm vườn, trồng cây trái cũng giống nhau. Cuộc sống vật chất ở nhà quê do đó cũng rất giống nhau. Người lưu dân Việt vào môi trường sinh sống này không thể không linh động thay đổi để thích ứng với môi trường sinh sống mới. Mặt khác ở trong hoàn cảnh sinh sống mới này họ lại gần gũi với những dân tộc khác với nền văn hóa khác mà lâu dần, quen dần, họ không thể không vay mượn một số nét đặc thù nào đó mà họ thấy cần yếu hay thích hợp với họ trong hoàn cảnh sinh sống mới. Thành ra từ khi Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa và các chúa Nguyễn nối tiếp, xây dựng nên Đàng Trong thì bắt đầu có một nhánh văn hóa Việt biến dạng dần dần trở thành một chi nhánh văn hóa có phần khác biệt với văn hóa cổ truyền ở miền Bắc. Sự cắt đứt liên hệ chính trị giữa Đàng Trong (Chúa Nguyễn) và Đàng Ngoài (Chúa Trịnh), sự phân tranh Nam Bắc và chia đôi lãnh thổ đã là cơ hội để tạo nên một chi nhánh văn hóa mới xa dần văn hóa cổ truyền. Đến thế kỷ XVII khi Họ Nguyễn chiếm hết cả miền Trung và rồi một số người miền Trung vào khai phá miền Nam khẩn hoang lập ấp xây dựng nên miền Nam thì một chi nhánh văn hóa khác nữa lại thành hình. Chi nhánh văn hóa mới này lại càng cách biệt với văn hóa gốc ở miền Bắc để đến gần văn hóa Đông Nam Á hơn.

Một nhà văn hóa gần đây viết : Sự thành hình của Đàng Trong là một biến đổi cơ bản mạnh mẽ trong lịch sử Việt Nam . . . Những thành công của họ Nguyễn đã sản xuất ra một xã hội mới, một nền văn hóa mới. Yếu tố kinh tế đã đóng vai trò quyết định: trong vài thập kỷ ngắn ngủi, Đàng Trong đã giàu hơn và mạnh hơn Miền Bắc. . . Cả hai điều kiện kinh tế của dân chúng và xã hội mở rộng của Đàng Trong đều đối nghịch một cách ưu thế với cái gọi là trung ương tập quyền của triều đình nhà Lê. . . Đàng Trong trở thành bộ máy lịch sử của biến đổi, và chuyển trọng tâm của quốc gia Việt Nam về phương diện chính trị, kinh tế và cả văn hóa nữa vào phía Nam từ thế kỷ XVII cho đến ngày người Pháp thiết lập chính quyền đô hộ của họ. (“The formation of Dang Trong was a dramatic and fundamental change in Vietnamese history. . . Nguyen successes produced a new society and a new culture. Economic factors played a decisive role: within a few short decades, Dang Trong became richer and stronger than the north. . . Both the economic condition of the people and the comparative openness of societ in Dang Trong contrasted favorably with the so-called “central government” of the royal Le kingdom. . . Dang Trong became the historical engine of change, and pulled the national Vietnamese centre of gravity – whether sên in political, economic or even cultural terms – southwards from the seventeenth century until the imposition of French rule.”) (An Alternative Vietnam? The Nguyen kingdom in the seventeenth and eighteenth centuries, Journal of Southeast Asian Studies, 3/1/1998, Tana, Li).

Xã hội Đồng Nai Cửu Long là xã hội mới của người Việt, rộng rãi, cởi mở, giàu có, tiếp nhận rất nhiều đồng bào ở các Miền khác vào đây lập nghiệp sinh sống trong các thế kỷ gần đây, và về sau. Đây là nơi đất lành chim đậu của rất nhiều đồng bào từ Bắc vào Nam, từ xưa tới giờ. Văn hóa của Đồng Nai Cửu Long cũng là văn hóa mới, biến đổi theo thời gian và môi trường sinh sống mới, môi trường Đông Nam Á Lục Địa hay Bán Đảo Ấn Trung. Văn hóa Miền Đồng Nai Cửu Long luôn biến đổi và đó là điều kiện của tiến bộ.

**GS Nguyễn Thanh Liêm**